

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN NGŨ VĂN, LỚP 10

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	1. Văn bản thông tin 2. Văn bản nghị luận	2 câu (10%)	2 câu (20%)	1 câu (10%)		5 câu (40%)
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận (nghị luận văn học).	1*	1*	1*	1*	1 câu (20%)
		Viết bài luận về bản thân.	1*	1*	1*	1*	1 câu (40%)
Tỉ lệ %			30%	40%	20%	10%	100%
Tổng % điểm			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng % điểm
				3	3	1	1	60%
1	PHẦN ĐỌC HIỂU	1. Văn bản thông tin	1. Văn bản thông tin Nhận biết: - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự,					

		biểu cảm, nghị luận. - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin. - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả. - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản. - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. Vận dụng: - Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân. Vận dụng cao: - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.						
		2.Văn bản nghị luận. <i>(Ngữ liệu</i>	2.Văn nghị luận Nhận biết: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng					

		<i>ngoài sách giáo khoa)</i> chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản. - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết. - Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.					
--	--	--	--	--	--	--	--

			- Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.						
2	PHẦN VIẾT	1. Viết đoạn nghị luận (nghị luận văn học) 2. Viết bài luận về văn bản	Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn. - Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. Thông hiểu - Trình bày được những nội dung khái quát của văn bản. - Triển khai thành các luận điểm. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của văn bản. - Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng - Nêu được bài học rút ra từ văn bản. - Thể hiện sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong văn bản). - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp lí. Vận dụng cao - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức văn bản. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình	1*	1*	1*	1	20%	40%

		thân.	thức của bài luận về bản thân. - Xác định được đúng đề tài, đối tượng của bài luận về bản thân. Thông hiểu: - Trình bày được những năng lực, sở trường, quan niệm, mong muốn của bản thân tùy theo mục đích viết luận. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục. - Thể hiện được thái độ khiêm tốn, cầu thị, tự tin của bản thân. Vận dụng cao: - Sử dụng hợp lý sự kết hợp của các phương thức miêu tả, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho bài luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.					
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 8: THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

1. Đặc trưng của văn bản thông tin

- Là văn bản cung cấp thông tin.
- Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng.

- Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, ... góp phần giúp người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

- Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

2. Bản tin

- Là một loại văn bản thông tin.

- Bản tin là các sự kiện cập nhật.

- Ngôn ngữ bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản.

- Tuy nhiên, để gây ấn tượng mạnh người viết vẫn sử dụng các biện pháp tu từ.

- Người tiếp nhận thông tin cần biết đặt câu hỏi:

+ Tác giả của bản tin là ai?

+ Lập trường thái độ của người viết là gì?

+ Các nhân vật, sự kiện, số liệu... trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại có sắp xếp đó?

+ Những thông tin có đáng tin cậy không?

3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

- Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,... giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu, quy định cần được tuân thủ, từ đó có những hành vi đúng đắn phù hợp.

- Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

4. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

- Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau:

+ Các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể chính xác .

+ Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin.

+ Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống

- Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin ,...

BÀI 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

1. Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin

Các **biểu đồ, sơ đồ** giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ: biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng; sơ đồ venn dùng để so sánh; biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển; sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin...

2. Bài luận về bản thân

Những tri thức học được qua sách vở và những trải nghiệm trong cuộc sống không chỉ giúp bạn hiểu thêm về con người và thế giới rộng lớn xung quanh, mà còn gọi cho bạn những suy ngẫm về bản thân: bạn là ai; mong muốn, ước mơ, niềm tin, giá trị sống của bạn là gì; đâu là thế mạnh của bạn; với tư cách là một cá nhân, bạn có mối quan hệ như thế nào với người khác, với thế giới tự nhiên; mỗi lựa chọn của bạn có tác động gì tới cuộc sống của chính bạn và của người khác,... Những suy nghĩ, quan điểm, kiến giải đó có thể được trình bày **dưới dạng một bài luận về bản thân**.

Bài luận về bản thân là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với bài nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc tự bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ ... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình – điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống.

B. YÊU CẦU

1. Phần Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố như văn bản thông tin, bản tin, văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, phương tiện phi ngôn ngữ, biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin, mạch triển khai thông tin trong văn bản.....

2. Phần Viết

- Nắm chắc cách Viết bài luận về bản thân (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa **Ngữ văn 10 tập 2 – trang 116,117**), và có thể vận dụng để viết một bài luận về bản thân theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

SỞ GD VÀ ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tiếng người hay chỉ tiếng chiêm bao?

Có bao giờ bạn mơ thấy một âm thanh, chỉ một âm thanh thôi, không hình ảnh. Đó là khi bạn nghe mơ hồ bên tai như có ai đó đang gọi tên mình "A. ời", vừa như ngay bên cạnh vừa như xa xôi lắm. Mơ hồ như là một giấc chiêm bao.

Đó là tiếng "ời" mà lúc nhỏ tôi hay nghe lắm, có ngày nghe đến hàng chục lần. Có khi bà ngoại gọi "A. ời về ăn cơm", có khi nghe cậu bạn thân "A. đi câu cá", có khi là đứa em trai thì thầm vào tai "A. ời" khi muốn xin xỏ thứ gì. Nhưng cũng có khi là tiếng kêu "A. ời" của mẹ, gọi về phát cho mấy cái đĩa bếp vào mông vì cái tội ham chơi.

Đã bao lâu rồi, tôi không được nghe tiếng "ời" ấy!

Những buổi sớm mai của thời thơ ấu, tôi thường bị đánh thức khi trời còn tờ mờ sương, bởi tiếng nước chảy trong tre đổ từ gàu vào chiếc thùng thiếc vọng từ ngoài giếng. Rồi những âm thanh đến gần hơn. Ngay dưới nhà bếp thôi. Tiếng nước sôi réo trong ấm, tiếng lửa nổ tanh tách. Tiếng phin cà phê va vào nhau lách cách. Và tôi trở mình trong chăn, mơ màng ngủ lại giữa chập chùng những tiếng rì rầm trò chuyện của ba mẹ. Chuyện lúa gạo, chuyện học hành, chuyện chiếc xe bò đang bị hỏng cái bánh xe, chuyện một người quen ở xa mới về... Thẳng hoặc pha những tiếng cười rất nhẹ. Đó chính là âm thanh mà tôi yêu thích nhất. Tiếng trò chuyện rì rầm ấy, vào buổi ban mai. Cái âm thanh thủ thủ, vừa xa vừa gần, tin cậy, và tràn đầy yêu thương. Nó khiến tôi thấy lòng hạnh phúc và bình yên vô hạn.

Âm thanh đó, đã bao lâu rồi tôi không còn nghe? Những khi nhớ nhà, tôi thường gắn chiếc headphone lên tai và lắng nghe những giọt âm vô cùng trong tre của ban nhạc Secret Garden. Thứ âm nhạc thần kì có thể mang cho tôi những hồi tưởng thanh bình êm ả. Nhưng nhiều lúc, âm nhạc dù du dương mấy vẫn không đủ cho tôi. Bởi tôi thèm một âm thanh khác. Âm thanh của tiếng nói con người, âm thanh của tiếng ai đó đang gọi tên tôi.

[...]

Có phải chúng ta đang ngày càng ít nói với nhau hơn. Chúng ta gặp nhau qua YM, tin nhắn, chúng ta đọc blog hay những câu status trên Facebook của nhau mỗi ngày, chúng ta những tưởng đã biết hết, hiểu hết về nhau mà không cần thốt lên lời. Có phải vậy chăng? Có phải ta cũng như loài cá heo có thể giao tiếp với nhau bằng sóng siêu âm. Tiếng nói con người dùng để làm gì nếu không phải để thổ lộ, để giải bày, để xoa dịu. Nếu muốn được hiểu thì phải được lắng nghe. Nếu muốn được lắng nghe thì phải nói trước đã. Vậy thì còn ngần ngại chi nữa, hãy nói với nhau đi. Nói với ba, với mẹ, với anh chị, với em, với bạn bè,... đừng chát, đừng email, đừng post lên Facebook, hãy chạy đến gặp nhau, hay ít nhất, hãy nhắc điện thoại lên, thậm chí chỉ để gọi nhau một tiếng "...ời" dịu dàng! Một tiếng người thực sự ân cần, yêu thương, quan tâm, gần gũi,... Và chắc chắn, không phải là chiêm bao.

(Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2017)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Trong văn bản, tác giả nhắc đến những âm thanh quen thuộc nào của tuổi thơ? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra một yếu tố biểu cảm trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Theo anh/chị vì sao tác giả cho rằng: *Âm nhạc dù du dương mấy vẫn không đủ cho tôi*? (1,0 điểm)

Câu 4. Lí giải quan điểm của người viết trong đoạn cuối của văn bản. (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/Chị rút ra được bài học gì từ đoạn văn: *Nếu muốn được hiểu thì phải được lắng nghe. Nếu muốn được lắng nghe thì phải nói trước đã. Vậy thì còn ngần ngại gì nữa, hãy nói với nhau đi?* (1,0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp cuộc sống trong đoạn văn được in đậm của văn bản ở phần Đọc Hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài luận (khoảng 400 chữ) về một sự lựa chọn khó khăn của bản thân.

-----Hết-----

SỞ GD VÀ ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NON NƯỚC HẠ LONG

(Trích)

(1) *Đảo đá Hạ Long dưới bàn tay sắp xếp thần kì của tạo hoá không chỉ tạo nên những tác phẩm điêu khắc hoành tráng mà còn tạo nên những công trình kiến trúc tự nhiên, mỹ lệ. Các đảo này hoặc đứng đơn độc giữa luồng lạch (hòn Đũa, hòn Gà Trọi,...) hoặc dựa vào sườn một dãy đá lớn khác (hòn Yên Ngựa, hòn Bướm,...). Có hòn bề thế bốn mặt phẳng lì, bóng nhẵn như những khối gỗ mun (hòn Âm, hòn Đỉnh Hương). Có hòn uốn lượn, càng lên cao càng thon nhỏ, sắc nhọn. Trên đó các loài dây leo, cây dại, các loài cây thân gỗ như chổi, sâm, thông đá... phủ lên một màu xanh mượt.*

(2) *Vào mùa hạ, lớp dây leo, cây dại đua nhau nở hoa muôn màu rực rỡ vàng, đỏ, xanh, tím,..., nổi lên màu xanh bất tận giữa biển trời bao la. [...]. Những sớm hè, khi vì sao mai còn thấp sáng đỉnh núi Bài Thơ, dọc bờ Bãi Cháy ta đã bắt gặp hàng nghìn du khách ngồi đón gió và ngắm mặt trời đang đông. Ánh nắng mặt trời trải lên mặt vịnh những dải màu đan xen xanh tím. Bóng các đảo đá in xuống mặt nước lung linh nhiều hình thù xanh đen ngoằn ngoèo kì dị. Ấy cũng là lúc buồm trắng, buồm nâu từ nhiều cửa biển như những chú bướm chập chờn, lách lượn qua rừng đảo ủa vào bến nhộn nhịp. Chiều tà, khi nắng tắt, mặt biển chuyển từ xanh lục sang màu huyết dụ, đảo đá từ màu lam ngả dần sang màu tím. Giữa mùa hè, khi gió đại dương bỗng dừng ngừng thổi và cái nóng oi bức trùm lên bãi bờ, ấy là lúc báo hiệu một trận mưa rào, hay một cơn bão dữ dội đang xuất hiện nơi nào đó trên Thái Bình Dương.*

(3) *Mùa thu đem đến cho Hạ Long những đêm trăng huyền ảo. Ánh trăng thu vàng dịu chiếu xuống mặt vịnh lung linh. Mặt nước như được dát một lớp thủy ngân lóng lánh. Dưới ánh trăng mờ ảo, đảo đá im lìm hiện lên trong cảnh tranh tối tranh sáng. Đảo quen thuộc, giờ bỗng trở nên xa lạ, huyền bí trong đêm trăng thu.*

(4) Mùa xuân, khi rừng táo, rừng mơ quanh bờ vịnh nở rộ là lúc Hạ Long mở ra một thế giới thiên nhiên huyền ảo. Buổi sớm xuân, đảo Hạ Long chập chờn trong màn sương bạc mung lung. Những ngày sương đi giữa Hạ Long ta cảm thấy đảo đá vừa lạ vừa quen, mờ mờ, ảo ảo. Xung quanh ta sương buông trắng xoá. Thuyền đi trong sương ta ngỡ như đi trong mây bông bồng bênh. Tiếng sóng vỗ lộp bộp trên mạn thuyền, tiếng gõ thuyền lộc cộc của các bạn chài gần lắm, mà ngỡ là xa vời vợi.

(Mạnh Thường, *Theo Almanach – những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hoá - Thông tin Hà Nội, 1999)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra một yếu tố miêu tả được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản có tác dụng gì? (1,0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, vì sao khi nói về vẻ đẹp non nước Hạ Long, tác giả lại miêu tả qua các mùa: mùa hè, mùa thu, mùa xuân? (1,0 điểm)

Câu 5. Nếu lựa chọn một điểm đến yêu thích, anh/chị có chọn Hạ Long không? Vì sao? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng). (1,0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) cảm nhận vẻ đẹp của Hạ Long qua văn bản được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài luận (khoảng 400 chữ) về điều cần thay đổi của bản thân.